

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 14/9/2020

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ**

Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biếu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 23/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 37 đường H, tổ 48, phường T1, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 37 đường H, tổ 48, phường T1, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền ngày 12/6/2020) - Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 11 Đ, tổ 44, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Vào ngày 30/5/2019, bà Nguyễn Thị Thanh X vay của tôi số tiền 800.000.000đ với lãi suất 0,9%/ tháng. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà X chưa trả tôi đồng nào tiền gốc và lãi.

Ngoài ra tôi còn chơi biếu do bà Nguyễn Thị Thanh X cầm cái và bà X nợ tôi tiền biếu, cụ thể như sau:

- Đối với chân biếu 1.000.000đ: Ngày 20/10/2017, tôi chơi 02 phần, có 40 người chơi, tôi có chồng đập 02 phần.

- Đối với chân biếu 3.000.000đ: Ngày 05/01/2018, có 20 người chơi, tôi có chồng đập.

- Đối với chân biêu 10.000.000đ: Ngày 10/01/2018, có 24 người chơi. Ngày 10/9/2018, có 24 người chơi.

Tất cả 07 phần biêu trên hoàn toàn chưa mua. Tôi chưa nhận bất cứ số tiền nào trong 07 phần biêu trên.

Cuối tháng 7/2019, tôi có nghe tin bà X bẻ nợ, tôi có đến nhà buộc bà X lấy sổ ra để tính tổng cộng tiền biêu và trừ nợ 50.000.000đ.

Đến ngày 28/12/2019 âm lịch (tức ngày 22/01/2020 dương lịch) bà X đã trả tôi được 5.000.000đ là tiền vay và tiền biêu, trong đó: Trả tiền biêu 2.000.000đ, trả tiền vay 3.000.000đ.

Sau khi trừ xong thì tôi và bà X đã cùng xác nhận với nhau việc bà X còn nợ tôi số tiền biêu 379.000.000đ, tôi đã yêu cầu bà X ký vào sổ nợ tôi với số tiền biêu 379.000.000đ nhưng bà X không ký. Vì bà X là bạn tôi nên tôi cũng không làm căng thẳng. Rồi bà X hứa mỗi tháng sẽ trả tôi 10.000.000đ tiền biêu nhưng vẫn không thực hiện được lời hứa.

Nay bà X còn nợ tôi số tiền nợ vay 800.000.000đ - 3.000.000đ = 797.000.000đ và nợ tiền biêu 379.000.000đ, tổng cộng 1.176.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện thì tôi yêu cầu bà X trả số tiền nợ vay 800.000.000đ và nợ tiền biêu 379.000.000đ, tổng cộng 1.179.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay tôi rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền biêu 379.000.000đ chỉ yêu cầu bà X trả tiền vay nợ gốc **797.000.000đ** (vì đã trả 3.000.000đ), không yêu cầu trả lãi vay.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:**

Tôi thừa nhận bắt đầu từ ngày 20/10/2017 tôi và bà Nguyễn Thị T có chơi biêu với nhau (tôi cầm cái), cụ thể thời gian và số tiền như sau:

1/ Đối với tiền vay: Tôi xác nhận vào ngày 30/5/2019 tôi có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 800.000.000đ, với lãi suất 30%/ 1 tháng.

2/ Đối với tiền biêu:

a/ Đối với chân biêu 1.000.000đ:

- Vào ngày 20/10/2017: Có tất cả 40 người chơi biêu (40 chân biêu) nhưng chỉ có 22 người tham gia đóng (nộp) tiền biêu trong đó có tôi và bà Nguyễn Thị T (18 người còn lại chưa nộp tiền biêu). Tôi là người cầm cái. Số tiền chơi biêu này mỗi người đóng hơn 500.000đ nhưng thu vào cả vốn lẫn lời là 1.000.000đ. Tôi đã thu của bà T 02 chân biêu là với số tiền 24.000.000đ (mỗi chân là 12.000.000đ).

- Vào ngày 20/12/2018: Bà Nguyễn Thị T có đưa tôi 47.600.000đ.

b/ Đối với chân biêu 3.000.000đ:

- Vào ngày 05/01/2018: Có tất cả 20 người chơi biêu (20 chân biêu), trong đó có tôi và bà Nguyễn Thị T. Tôi là người cầm cái. Bà T mua hết cả 20 chân biêu này với số tiền cả vốn và lời là 60.000.000đ. Số tiền chơi biêu này mỗi người đóng hơn 2.500.000đ nhưng thu vào cả vốn lẫn lời là 3.000.000đ. Sau khi thu xong hết tất cả các chân biêu thì tôi trừ 3.000.000đ tiền vốn và lời của bà T (không thu) nên còn 57.000.000đ. Tuy nhiên do trong 19 chân biêu còn lại này có người là biêu sống (là

người chưa đến lượt thu vào tiền vốn và tiền lời), có người là biêu chết (là người đã thu vào tiền vốn và tiền lời) nên lần này chỉ đóng tiền vốn 2.500.000đ mà không đóng tiền lời 500.000đ nên tôi chỉ thu vào được 49.550.000đ chứ không phải 57.000.000đ như dự tính. Do đó, tôi chỉ đưa bà T 49.550.000đ.

c/ Đối với chân biêu 10.000.000đ:

- Vào ngày 10/01/2018: Có tất cả 24 người chơi biêu (24 chân biêu) nhưng chỉ có 09 người tham gia đóng (nộp) tiền biêu trong đó có tôi và bà Nguyễn Thị T (15 người còn lại chưa nộp tiền biêu). Tôi là người cầm cái. Số tiền chơi biêu này mỗi người đóng hơn 6 triệu nhưng thu vào cả vốn lẫn lời là 10.000.000đ. Bà T đã nộp cho tôi tháng đầu tiền 6.800.000đ (thu lời cả vốn lẫn lãi là 10.000.000đ).

- Ngày 10/01/2018: Tôi đưa bà T 01 phần biêu 10.000.000đ.

- Đến ngày 10/9/2018: Vẫn 24 người chơi biêu trên (24 chân biêu) nhưng chỉ có 09 người tham gia đóng (nộp) tiền biêu trong đó có tôi và bà Nguyễn Thị T (15 người còn lại chưa nộp tiền biêu). Tôi là người cầm cái. Số tiền chơi biêu này mỗi người đóng hơn 6 triệu nhưng thu vào cả vốn lẫn lời là 10.000.000đ. Bà T đã nộp cho tôi tháng đầu tiền 6.800.000đ (thu lời cả vốn lẫn lãi là 10.000.000đ) + tiền chơi biêu từ ngày 10/02/2018 đến ngày 10/9/2018 = 65.700.000đ.

- Tháng 01/2018 bà Nguyễn Thị Thanh X chưa đưa cho bà Nguyễn Thị T 10.000.000đ tiền cái. Tôi đưa bà T tiền biêu tháng 9/2018 là 212.500.000đ.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Thanh X đã thu tiền biêu của bà Nguyễn Thị T nộp là: 65.700.000đ + 10.000.000đ = 75.700.000đ.

- Khoảng tháng 5 hoặc tháng 6/2019: Bà Nguyễn Thị Thanh X đưa bà Nguyễn Thị T số tiền 72.000.000đ tiền rút biêu trước (vì chưa đến lượt bà T rút tiền biêu). Số tiền chơi biêu này mỗi người đóng hơn 500.000đ nhưng thu vào cả vốn lẫn lời là 1.000.000đ. Tôi đã thu của bà T 02 chân biêu là với số tiền 24.000.000đ (mỗi chân là 12.000.000đ).

Đến ngày 28/12/2019 âm lịch (tức ngày 22/01/2020 dương lịch) tôi đã trả bà T được 5.000.000đ là tiền vay và tiền biêu, trong đó: Trả tiền biêu 2.000.000đ, trả tiền vay 3.000.000đ.

Do đó, nay tôi chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền sau:

+ Nợ tiền vay: 798.000.000đ (chưa trả tiền lãi đồng nào).

+ Nợ tiền biêu: 60.000.000đ.

Tổng cộng: 858.000.000đ. Số tiền này tôi xin khát khi nào có sẽ trả.

Nay tôi bà T còn nợ tôi số tiền như sau (không có đơn phản tố):

+ Nợ 1.500.000 USD tiền Đô la Mỹ (quy ra tiền Việt Nam là 23.000đ x 1.500.000 USD = 34.500.000đ).

+ Nợ tiền biêu tất cả các năm cộng lại là 65.000.000đ (ngày chốt lại khoảng tháng 5, tháng 6/2019).

+ Nợ tiền không góp biêu là 50.000.000đ (không nhớ ngày tháng năm).

+ Nợ tiền mượn lật vật vào khoảng năm 2018 là 50.000.000đ.

+ Nợ tiền mượn tháng 6/2019 là 100.000.000đ .

+ Nợ tiền biêu tháng 02/2019 là 27.000.000đ.

Tổng cộng: 292.000.000đ + 34.500.000đ = 326.500.000đ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/5/2020 tôi xác nhận tôi còn nợ bà T số tiền: 858.000.000đ - 326.500.000đ = **531.500.000đ**.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay tôi xác nhận tôi còn nợ bà T số tiền biểu 65.700.000đ và nợ tiền vay 508.000.000đ. Tổng cộng: 65.700.000đ + 508.000.000đ = **573.700.000đ**.

Đối với tất cả khoản tiền bà T nợ tôi thì do không viết giấy tờ gì nên tôi không thể có tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho Tòa án.

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày bổ sung:**

Toàn bộ lời trình bày của bà X là không đúng sự thật. Tôi hoàn toàn không nợ bà X đồng nào, việc bà X cho rằng tôi nợ bà X là hoàn toàn bịa đặt.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị T2 thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị T, không trình bày bổ sung gì thêm.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biểu” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền biểu 379.000.000 đồng: Do bà Nguyễn Thị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về số tiền biểu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền biểu.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền vay 800.000.000 đồng:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh X trả số tiền vay 797.000.000 đồng (vì đã trả 3.000.000 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền vay 797.000.000 đồng thì thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do bà Nguyễn Thị T cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 30/5/2019 thể hiện: Vào ngày 30/5/2019, bà Nguyễn Thị Thanh X vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất không ghi là bao nhiêu mà chỉ ghi là “tới tháng trả lãi”, theo bà T thì lãi suất là 0,9%/ tháng,

còn theo bà X thì lãi suất 30%/ tháng. Tuy nhiên, cả bà T và bà X đều không đưa ra được chứng cứ để xác định mức lãi suất là bao nhiêu. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu bà X trả tiền gốc nợ vay mà không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với tiền lãi.

Tại phiên tòa, cả bà T và bà X đều xác nhận vào ngày 28/12/2019 âm lịch (tức ngày 22/01/2020 dương lịch), bà X đã trả bà T được 3.000.000 đồng tiền gốc nợ vay. Cũng tại phiên tòa hôm nay bà X xác nhận bà còn nợ bà T số tiền tiền vay 508.000.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai này nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của bà T và bà X cùng xác nhận vào ngày 28/12/2019 âm lịch (tức ngày 22/01/2020 dương lịch), bà X đã trả bà T được 3.000.000 đồng tiền gốc nợ vay là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền gốc nợ vay 797.000.000 đồng, buộc bà X phải trả cho bà T số tiền gốc nợ vay 797.000.000 đồng.

Riêng đối với việc bà X cho rằng bà T còn nợ bà X số tiền 326.500.000đ (không ghi giấy nợ) nhưng bà X không có đơn phản tố trong vụ án này. Do đó, nếu sau này các bên có tranh chấp và có khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 397.000.000 \text{ đồng}) = 35.880.000 \text{ đồng}.$

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 23.865.000 đồng theo Biên lai thu số 0004265 ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: - Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thanh X về số tiền biên 379.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu đồng).

2. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thanh X về số tiền vay nợ gốc 797.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn).

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay nợ gốc 797.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Thanh X không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu thêm khoản tiền lãi, ương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm 35.880.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu.

4. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 23.865.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004265 ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

5. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương

